

Số: 1048/QĐ-CT

Vinh Phúc, ngày 24 tháng 7 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các chính sách,  
chế độ phát sinh trong năm 2024

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VINH PHÚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/06/2023 của Chính phủ quy định về tinh giản biên chế;

Căn cứ Thông tư số 13/2024/TT-BTC ngày 23/02/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc xác định nguồn kinh phí và việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh Vinh Phúc về chính sách đặc thù trong công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và điều dưỡng; thăm hỏi khi ốm đau; gặp mặt, thăm và chúc tết; thăm viếng và tổ chức lễ tang của tỉnh Vinh Phúc;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của HĐND tỉnh Vinh Phúc về một số chính sách đặc thù xây dựng đội ngũ tri thức và thu hút, trọng dụng người có tài năng tỉnh Vinh Phúc giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2021/NQ-HĐND ngày 12/11/2021 của HĐND tỉnh Vinh Phúc về việc quy định mức hỗ trợ đối với trẻ em giáo viên mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh Vinh Phúc quy định khu vực không được phép chăn nuôi và chính sách hỗ

*trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc quy định mức hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc ban hành quy định chính sách trợ cấp xã hội hàng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về phân bổ dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024;*

*Căn cứ Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/06/2024 của HĐND tỉnh Vĩnh Phúc về tổng mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách tỉnh 05 năm giai đoạn 2021-2025 thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc;*

*Căn cứ Thông báo số 1299-TB/TU ngày 04/4/2024 của Thường trực Tỉnh ủy về công tác điều dưỡng và thực hiện chính sách thăm, viếng năm 2024;*

*Căn cứ Kết luận số 86-KL/TU ngày 24/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc phân cấp tổ chức thực hiện công tác điều dưỡng từ năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 2621/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc cử viên chức đi đào tạo sau đại học theo quy định tại Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh;*

*Căn cứ Quyết định số 780/QĐ-UBND ngày 04/06/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt danh sách tinh giản biên chế;*

*Căn cứ Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 18/12/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 2845/QĐ-UBND ngày 21/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các huyện, thành phố;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại các Tờ trình số 223/TTr-STC ngày 18/7/2024; Tờ trình số 219/TTr-STC ngày 12/7/2024; Tờ trình số 217/TTr-STC ngày 12/7/2024; Tờ trình số 211/TTr-STC ngày 12/7/2024 và Tờ trình số 180/TTr-STC ngày 07/6/2024.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các chính sách, chế độ phát sinh trong năm 2024, với tổng số tiền là: **38.764.095.916 đồng** (*Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ, bảy trăm sáu mươi bốn triệu, chín trăm mười sáu đồng*). Trong đó:

1. Cấp bổ sung kinh phí cho UBND các huyện, thành phố thực hiện công tác điều dưỡng tập trung theo Nghị quyết số 21/2020/NQ-HĐND ngày 14/12/2020 của HĐND tỉnh, với số tiền là: **11.352.000.000 đồng**; gồm:

- UBND thành phố Vĩnh Yên: 1.245.000.000 đồng;
- UBND thành phố Phúc Yên: 858.000.000 đồng;
- UBND huyện Bình Xuyên: 864.000.000 đồng;
- UBND huyện Tam Đảo: 444.000.000 đồng;
- UBND huyện Tam Dương: 1.170.000.000 đồng;
- UBND huyện Yên Lạc: 1.614.000.000 đồng;
- UBND huyện Vĩnh Tường: 1.911.000.000 đồng;
- UBND huyện Lập Thạch: 1.770.000.000 đồng;
- UBND huyện Sông Lô: 1.476.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí: Từ nguồn chi đảm bảo xã hội trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024.

2. Cấp bổ sung kinh phí cho Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện hỗ trợ học phí cho viên chức được cử đi đào tạo sau đại học theo Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, với số tiền là: **75.850.000 đồng**

Nguồn kinh phí: Từ khoản kinh phí NQ 06/2021/NQ-HĐND ngày 03/8/2021; Nghị quyết 10-NQ/TU ngày 20/11/2019 của BCH đảng bộ tỉnh về xây dựng đội ngũ tri thức và thu hút trọng dụng người có tài năng giai đoạn 2021-2025; Đề án 06-ĐA/TU thuộc nguồn chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề trong dự toán ngân sách nhà nước cấp tỉnh năm 2024.

3. Cấp bổ sung kinh phí cho UBND huyện Sông Lô thực hiện chi trả các chế độ, chính sách phát sinh, với số tiền là: **2.597.251.916 đồng**; gồm:

- Kinh phí miễn giảm học phí cho đối tượng là học sinh sinh viên tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/08/2021: 506.497.916 đồng;

- Kinh phí trợ cấp hàng tháng cho trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 15/12/2023 của HĐND tỉnh: 172.542.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ các hộ dân ngừng chăn nuôi theo nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 12/12/2022 của HĐND tỉnh: 1.882.212.000 đồng;

- Kinh phí hỗ trợ cho người được phân công trực tiếp giúp đỡ người được áp dụng biện pháp giáo dục tại xã theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 5/5/2023 của HĐND tỉnh: 36.000.000 đồng

*(Chi tiết theo Tờ trình số 217/TTr-STC ngày 12/7/2024 của Sở Tài chính)*

4. Cấp bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND ngày 19/6/2024 của HĐND tỉnh, với số tiền là: **24.653.000.000 đồng**; gồm:

- Cục Thống kê tỉnh: 153.000.000 đồng;

- UBND thành phố Vĩnh Yên: 456.000.000 đồng;

- UBND thành phố Phúc Yên: 175.000.000 đồng;

- UBND huyện Bình Xuyên: 205.000.000 đồng;

- UBND huyện Tam Đảo: 6.887.000.000 đồng;

- UBND huyện Tam Dương: 6.136.000.000 đồng;

- UBND huyện Yên Lạc: 85.000.000 đồng;

- UBND huyện Vĩnh Tường: 9.232.000.000 đồng;

- UBND huyện Lập Thạch: 530.000.000 đồng;

- UBND huyện Sông Lô: 794.000.000 đồng.

Nguồn kinh phí:

- Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế trong dự toán ngân sách cấp tỉnh 2024 là: 24.231.000.000 đồng, trong đó:

+ Kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nông thôn mới: 19.360.000.000 đồng.

+ KP thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng đồng bào dân tộc và miền núi: 4.871.000.000 đồng.

- Từ KP thực hiện chương trình mục tiêu Giảm nghèo bền vững thuộc nguồn chi đảm bảo xã hội trong dự toán ngân sách cấp tỉnh 2024 là: 422.000.000 đồng.

*(Chi tiết theo Tờ trình số 219/TTr-STC ngày 12/7/2024 của Sở Tài chính)*

5. Cấp bổ sung kinh phí cho UBND thành phố Phúc Yên thực hiện tinh giản biên chế theo Nghị định số 29/2023/NĐ-CP ngày 03/6/2023 của Chính phủ đối với ông **Nguyễn Văn Nam** - viên chức Ban quản lý khu du lịch Đại Lải, với số tiền là: **85.994.000 đồng**

Nguồn kinh phí: Từ kinh phí tinh giản biên chế, nghỉ hưu trước tuổi thuộc nguồn chi quản lý hành chính trong dự toán ngân sách cấp tỉnh năm 2024.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

1. Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh trích chuyển kinh phí nói tại Điều 1 Quyết định này cấp cho UBND các huyện, thành phố chi thực hiện nhiệm vụ được giao và quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

2. Giao UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm sử dụng kinh phí được cấp đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng tiêu chuẩn, định mức và theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định; đảm bảo công khai, minh bạch; chấp hành đúng quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, chế độ quản lý tài chính và quyết toán với cơ quan tài chính theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Phó Giám đốc phụ trách Sở Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Cục trưởng Cục Thống kê tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Vũ Việt Văn**